

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04066**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **ĐTPH dịch hại cây trồng**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160281	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/05/2009				8	10.0	8.5			5.0		6.6
2	2456201160282	Nguyễn Hồ Trọng	Duy	24/10/2009				6.5	9.0	7.0			8.0		7.9
3	2456201160283	Lâu Xuân	Đào	22/03/2009				8	5.0	8.5			2.0		4.0
4	2456201160284	Lâm Phước	Điện	30/01/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
5	2456201160285	Phạm Quốc	Hào	31/07/2009				7.5	8.0	7.5			2.0		4.3
6	2456201160286	Trần Thị Nhựt	Huỳnh	26/03/2009				7	8.0	8.5			8.0		8.0
7	2456201160287	Nguyễn Thanh	Khôi	11/11/2009				7	6.0	7.0			0.5		2.9
8	2456201160288	Trần Quốc	Lĩnh	18/08/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
9	2456201160289	Nguyễn Hoàng	Luật	04/09/2009				8	5.0	7.0			5.5		5.9
10	2456201160290	Huỳnh Thị Cẩm	Ly	11/01/2009				7	10.0	8.5			9.5		9.2
11	2456201160291	Nguyễn Phạm Trà	Mi	11/01/2009				7.5	7.0	8.0			10.0		9.0
12	2456201160292	Nguyễn Thị Trà	My	13/07/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2456201160293	Nguyễn Hoàng	Nam	13/03/2009				5	5.0	5.5			5.5		5.4
14	2456201160294	Trần Bảo	Nam	30/12/2008				8	7.5	7.5			9.0		8.4
15	2456201160295	Trần Quốc	Nam	26/03/2008				8	8.0	7.5			7.5		7.6
16	2456201160296	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	15/12/2009				7.5	8.0	9.0			10.0		9.3
17	2456201160297	Nguyễn Cao Minh	Nhật	18/05/2009				8	4.0	7.5			9.5		8.2
18	2456201160298	Trần Thị Yến	Nhi	28/06/2009				8.5	10.0	9.0			10.0		9.7
19	2456201160299	Võ Thảo	Nhi	18/10/2008				8	9.5	8.5			9.5		9.2
20	2456201160300	Đồng Thị Huỳnh	Như	04/10/2009				8	8.0	8.5			8.0		8.1
21	2456201160301	Đặng Hồng	Phúc	29/01/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
22	2456201160302	Bùi Thị Diễm	Phương	25/06/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
23	2456201160303	Bùi Đức	Quy	16/09/2009				7	10.0	8.0			9.5		9.1
24	2456201160304	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	16/01/2009				7	10.0	8.0			9.5		9.1
25	2456201160305	Lê Quốc	Thái	08/10/2009				5	6.0	4.0			0.0		2.0
26	2456201160306	Trần Quốc	Thái	18/04/2009				7	7.5	9.0			6.5		7.1
27	2456201160307	Lê Công	Thành	11/07/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
28	2456201160308	Đào Thị Thủy	Tiên	25/01/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2456201160309	Nguyễn Văn	Tính	14/12/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
30	2456201160310	Trần Thị Như	Ý	24/09/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
31	2456201160896	Đoàn Văn	Đặng	23/05/2009				8	8.0	9.0			7.0		7.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 4 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Thị Thanh Tâm